

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày 11 - 11 - 2021

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm, ông Nguyễn Xuân Hình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp kiện đòi tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L; địa chỉ: Số nhà A đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 04/10/2019, ngày 17/10/2019 và lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị L có nội dung:

Ngày 11/01/2016 ông Nguyễn Văn T viết “Giấy nhận tiền” nhận của tôi

250.000.000 đồng để xin cho con tôi vào học Đại học. Do không thực hiện được cam kết nên vợ ông T là bà Nguyễn Thị H viết “Giấy cam kết” xác nhận việc ông T nhận của tôi 250.000.000 đồng, hẹn ngày 30/12/2016 trả 150.000.000 đồng; ngày 30/01/2017 trả 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/9/2017, vợ chồng ông T, bà H mới trả cho tôi được 30.000.000 đồng. Vì vậy lập văn bản “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÓ THỂ CHẤP TÀI SẢN”, nhận vay của tôi 220.000.000 đồng và thế chấp cho tôi 01 chiếc xe ô tô con hiệu KIA màu đen biển số 51F – 123.19 của ông T mua trả góp và đang thế chấp ngân hàng, hẹn từ ngày 09/9 đến ngày 15/9/2017 âm lịch sẽ trả cho tôi từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng và tôi sẽ trả lại xe ô tô cho ông T, số tiền còn lại ông T sẽ trả cho tôi trong hạn 45 ngày đến 60 ngày. Đến ngày 02/11/2017 ông T chuyển khoản trả cho tôi 50.000.000 đồng; ngày 03/11/2017 ông T chuyển khoản trả cho tôi 45.000.000 đồng, còn nợ 125.000.000 đồng chưa trả. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu ông T trả 125.000.000 đồng còn nợ.

Sau khi tôi có đơn khởi kiện thì ông T chuyển khoản trả cho tôi 10.000.000 đồng vào ngày 21/02/2020. Nay tôi yêu cầu ông T và bà H trả số tiền còn nợ 115.000.000 đồng và tôi đồng ý trả lại chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 123.19 cho ông T.

Chứng cứ chứng minh là bản chính các tài liệu: “Giấy nhận tiền” ghi ngày 11/01/2016; “Giấy cam kết” không ghi ngày, tháng, năm; “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN CÓ THỂ CHẤP TÀI SẢN” ghi ngày 28/9/2017; “GIẤY XÁC NHẬN GỬI XE Ô TÔ 51F-123.19” ghi ngày 21/02/2020.

Bà Nguyễn Thị H khai: Công nhận chồng tôi là ông Nguyễn Văn T có nhận của bà L 250.000.000 đồng để xin cho con bà L vào học Đại học. Do không thực hiện được công việc nên vợ chồng tôi đã nhiều lần viết giấy hẹn trả nợ, đồng thời giao cho bà L 01 chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 123.19 để làm tin, chiếc xe này vợ chồng tôi trả góp và đang thế chấp tại ngân hàng. Từ đó đến nay vợ chồng tôi đã trả cho bà L được 135.000.000 đồng. Nay tôi đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ 115.000.000 đồng và đề nghị bà L trả lại vợ chồng tôi chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 12319.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp

luật. Đề nghị buộc ông T và bà H trả cho bà L 115.000.000 đồng; buộc bà L trả cho vợ chồng ông T, bà H chiếc xe ô tô con hiệu KIA biển số 51F – 123.19.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt. Quá trình xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H là đúng pháp luật.

[2] Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của bà Đặng Thị L, lời khai của bà Nguyễn Thị H trong quá trình tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở xác định: Ngày 11/01/2016 ông Nguyễn Văn T viết “Giấy nhận tiền” nhận của bà Đặng Thị L 250.000.000 đồng để xin cho con của bà Đặng Thị L học Đại học. Do không thực hiện được công việc như cam kết nên vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần viết giấy hẹn trả nợ và giao cho bà Đặng Thị L 01 chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 123.19 để làm tin. Đến nay vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã trả cho bà Đặng Thị L được 135.000.000 đồng, nay bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền còn nợ 115.000.000 đồng như bà Đặng Thị L yêu cầu, về phía bà Đặng Thị L cũng đồng ý trả lại chiếc xe ô tô cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Đặng Thị L số tiền 115.000.000 đồng, bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả lại chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 123.19 cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3] Về án phí: Cần buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán với số tiền án phí là: 115.000.000 đồng x 5% = 5.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 164, Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đặng Thị L số tiền 115.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H chiếc xe ô tô con màu đen hiệu KIA biển số 51F – 123.19.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đặng Thị L 3.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0001743 ngày 28/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ